

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 311/2025/HS-PT
Ngày 17 tháng 9 Năm 2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Hồng Vân – Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 393/2025/TLPT-HS ngày 19 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo.

Do có kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phượng H đối với một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo:

Lâm Hoàng N, sinh ngày 14/11/1984 tại huyện T, tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Thành T1 và bà Võ Thị N1; vợ thứ nhất tên Trần Thị Ngọc L (đã ly hôn năm 2009), vợ thứ hai tên Phan Thị Hồng Đ, có 02 con; tiền án: Có 02 tiền án (1. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2010/HSST, ngày 08/02/2010 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, cho hưởng án treo, đã

chấp hành xong phần hình phạt, chưa chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; 2. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 538/2010/HSPT, ngày 30/8/2010 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 tháng tù về tội “Không tố giác tội phạm”, cho hưởng án treo, đã chấp hành xong hình phạt, chấp hành xong phần án phí hình sự sơ thẩm ngày 26/6/2024); tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 05/10/2023; bị tạm giam từ ngày 10/11/2023 đến nay. Bị cáo vắng mặt.

- Bị hại: Ông Hoàng Như H1, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Số F, Khu nội bộ siêu thị, khóm C, phường H, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Ông Phạm Xuân K, sinh năm 1977 (Có mặt);

Địa chỉ: Số G, Đường C, Khóm E, Phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là Số G, Đường C, Khóm A, phường T, tỉnh Cà Mau).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phụng H, sinh ngày 19/11/1996 (Vắng mặt);

Nơi thường trú: Số B, đường Đ, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi cư trú hiện tại: Số G, N, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023, Lâm Hoàng N, sinh năm 1984, ngụ tại ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh đã sử dụng tài khoản Zalo tên “Lam Hoang N2” và tên “Phụng Hằng” để kết bạn với ông Hoàng Như H1 nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông H1, lấy tiền chi xài cá nhân. Ông H1 đã chuyển tiền cho Lâm Hoàng N tổng cộng là 39 lần, thông qua 04 tài khoản gồm: Lâm Hoàng N, Nguyễn Thị Phụng H, Lê Quốc T2 và Nguyễn Thanh L1 với tổng số tiền 5.693.930.000 đồng. Trong đó, chuyển vào tài khoản của N số tiền là 34.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản tên Nguyễn Thị Phụng H 2.824.930.000 đồng, chuyển vào tài khoản tên Nguyễn Thanh L1 2.615.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản tên Lê Quốc T2 220.000.000 đồng. Cụ thể:

Vào khoảng tháng 3 năm 2023, Lâm Hoàng N sử dụng tài khoản Zalo tên “Lam Hoang N2” làm quen với ông Hoàng Như H1. Quá trình nhắn tin qua lại, N biết ông H1 là người kinh doanh, có cửa hàng lớn ở chợ Phường G, thành phố C, biết ông H1 có khả năng về tài chính, nên N nảy sinh ý định lừa ông H1 để chiếm đoạt tiền. N nói dối với ông H1: N là nữ, nhà ở phường T, thành phố C, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, N đang buồn, muốn đi làm nhưng không có xe.

Ông H1 nói sẽ cho N tiền mua xe với điều kiện là N đến nhà nghỉ quan hệ tình dục với ông, N đồng ý. Ông H1 chuyển khoản từ tài khoản 33885909 và 245201909 của ông H1 chuyển vào tài khoản 210024209 của Lâm Hoàng N 05 lần, với tổng số tiền 34.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, N nói kết công chuyện không đến gặp ông H1 được. Thấy ông H1 có tiền và dễ dàng tin lời chuyển tiền cho N, nên N tiếp tục ý định lừa tiền ông H1. Ngân nhắn tin nói nhất định sẽ ra nhà nghỉ gặp ông H1 và yêu cầu ông H1 chuyển thêm cho N 30.000.000 đồng để làm ăn, ông H1 kêu N ra gặp trực tiếp ông H1 sẽ cho tiền nhiều hơn, nhưng N không ra gặp nên ông H1 hủy kết bạn với N qua tài khoản “Lam Hoang N2”.

Sau khi ông H1 hủy kết bạn, đến khoảng tháng 4 năm 2023, N tạo tài khoản mới với tên “Phượng Hằng” gửi đề nghị kết bạn với ông H1. Sau khi kết bạn, N nói với ông H1: N là nữ, nhà ở phường T, thành phố C, đã học xong lớp 12, đang chuẩn bị đi học Spa. N nói với ông H1 muốn mua xe nhưng còn thiếu tiền, nhờ ông H1 chỉ chỗ cầm căn cước công dân để lấy tiền mua xe. Sau đó, N lên mạng tải hình căn cước công dân về điện thoại rồi chỉnh sửa thành thẻ căn cước tên Nguyễn Thị Phượng H, địa chỉ ở Cà Mau rồi chuyển cho ông H1 để ông H1 tin tưởng. Ngoài ra, N còn dùng ứng dụng Google Map làm giả vị trí “Phượng Hằng” ở gần khách sạn B1 để gửi cho ông H1. Khi nhận được tin nhắn của N, ông H1 nhắn tin lại cho N, ông đồng ý cho tiền mua xe với điều kiện là hẹn gặp tại nhà Nghỉ để cho ông Hải quan H2 tình dục. Biết ông H1 bị mắc lừa và để có tài khoản nhận tiền, N liên hệ với Nguyễn Thị Phượng H, sinh năm 1996, ngụ tại phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang mượn số tài khoản của H để nhận tiền chuyển khoản, thì H đồng ý. Sau đó, N nhắn số tài khoản 0522417587 của H cho ông H1, ông H1 chuyển tiền vào tài khoản của H do N cung cấp với số tiền 13.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, N tiếp tục nhắn tin nói với ông H1, mẹ N không cho mua xe vì nghi ngờ tiền N có là do phạm pháp và nhờ ông H1 chuyển cho N mượn thêm 20.000.000 đồng để mẹ N tin tưởng là có bạn bè cho mượn và sẽ trả ngay cho ông H1. Ông H1 tin tưởng nên tiếp tục chuyển vào tài khoản của H cho N 20.000.000 đồng.

Đến ngày 14/4/2023, N nói với ông H1 là anh của N tên Nguyễn Khắc C làm ăn bị thất bại, đang nợ số tiền 200.000.000 đồng, gia đình đang lo chạy tiền trả nợ cho C mới được 100.000.000 đồng và hỏi mượn ông H1 100.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày sẽ hoàn trả lại, ông H1 đồng ý. Để có tài khoản nhận tiền của ông H1, N gọi điện cho Lê Quốc T2 là bạn của N, nói với T2 tài khoản ngân hàng của N bị lỗi, muốn mượn tài khoản của T2 để nhận tiền, T2 đồng ý. Sau đó, N cho ông H1 số tài khoản 106870242665 của T2 để ông H1 chuyển tiền cho N 100.000.000 đồng.

Ngày 15/4/2023, N nhắn tin nói với ông H1: C cần mượn thêm 120.000.000 đồng, nếu đồng ý cho mượn thì C sẽ trực tiếp đến nhà để gặp ông

H1 thế chấp giấy căn cước công dân, ghi giấy nhận nợ. Ông H1 đồng ý và tiếp tục chuyển vào tài của T2 cho N số tiền 120.000.000 đồng.

Ngày 17/4/2023, N nhắn tin cho ông H1 nói: Số tiền ông H1 cho mượn chưa đủ cho C trả nợ, nếu không có tiền để xử lý thì C bế nợ và không có tiền trả cho ông, nên kêu ông H1 cho mượn thêm tiền, nếu ông H1 đồng ý thì C và “H” đến nhà thế chấp giấy tờ tùy thân để đảm bảo, ông H1 tin tưởng nên đồng ý. Để có tài khoản nhận tiền, N đến cửa hàng điện thoại “K71” có nhận dịch vụ nhận và chuyển tiền ở địa chỉ số A, đường Đ, khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre do anh Nguyễn Thanh L1 làm chủ để thuê số tài khoản nhận tiền. Sau đó, N nhắn số tài khoản của anh L1 cho ông H1 và nói L1 là bạn thân của gia đình, ông H1 tin là thật nên tiếp tục chuyển tiền theo yêu cầu của N và tài khoản của anh L1.

Ngày 17/4/2023, ông H1 sử dụng số tài khoản 33885990 chuyển tiền vào tài khoản 30343177 của anh L1 số tiền 132.000.000 đồng. Sau khi chuyển tiền, ông H1 yêu cầu ra gặp để quan hệ tình dục, thì N trả lời với ông H1: Khi nào C xử lý xong công việc sẽ đem tiền đến trả và đồng ý quan hệ tình dục với ông H1. Đến ngày 19/4/2023, N nói với ông H1 là C đã tự sát, số tiền C mượn gia đình N sẽ trả vì C còn nhiều tài sản ở Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó ông H1 nhiều lần nhắn tin hỏi N về việc xử lý tài sản của C, thì N nói đang nhờ Lê Quốc T2 là Luật sư của C can thiệp phong tỏa tài sản, giờ cần mượn thêm tiền nộp cho Tòa án để làm thủ tục. Ông H1 tin tưởng nên trong khoảng thời gian từ ngày 21/4/2023 đến ngày 28/4/2023, ông H1 tiếp tục chuyển cho N vào tài khoản của Nguyễn Thanh L1 06 lần, với tổng số tiền 1.012.000.000 đồng.

Ngày 02/5/2023, N nhắn tin nói với ông H1, chưa đủ tiền để nộp cho Tòa án, yêu cầu ông H1 cho mượn thêm. Sau khi bán nhà, đất sẽ trả đủ cho ông, ông H1 tin nên chuyển tiếp vào tài khoản của L1 số tiền 220.000.000 đồng. Sau đó, N nhắn tin cho ông H1 hay nhà và đất của C đã phong tỏa xong.

Để tiếp tục tạo lòng tin đối với ông H1, N nhắn tin nói với ông H1 là nhà và đất của C ở Thành phố Hồ Chí Minh đang làm thủ tục sang tên lại cho N để bán và đã có người hỏi mua đất với giá 4.800.000.0000 đồng, nhà 9.800.000.000 đồng, khi nào bán xong sẽ trả lại tiền cho ông H1. Đến ngày 03/5/2023, N nói với ông H1: C nợ tiền vay của nhiều người bên ngoài, nếu không trả thì họ can ngăn không cho bán nhà và đất của C, yêu cầu ông H1 cho mượn tiền để trả nợ, ông H1 đồng ý. Từ ngày 03/5 đến ngày 08/5/2023, ông H1 chuyển tiền cho N vào tài khoản của Nguyễn Thanh L1 với số tiền 590.000.000 đồng. Sau đó, N nhắn tin báo cho ông H1 biết đã bán được đất với giá 4.800.000.000 đồng và đang trên đường về Sóc Trăng, hẹn hôm sau sẽ trả đủ tiền cho ông H1.

Đến ngày 10/5/2023, N nhắn tin cho ông H1 đưa ra thông tin gian dối là cha N bị bên nhà vợ của C đánh bị chấn thương sọ não, đang nguy kịch và bệnh

viện kêu đóng tiền 290.000.000 đồng để phẫu thuật não nhưng tiền bán đất thì đang gửi nhà dì 2 của N ở Sóc Trăng mà hiện tại dì 2 của N đã đi Trung Quốc, không có tiền đóng, nhờ ông H1 giúp đỡ. Ông H1 đồng ý và chuyển tiền cho N vào tài khoản của Nguyễn Thị P Hằng số tiền 40.000.000 đồng.

Ngày 12/5/2023, N tiếp tục nhắn tin nói với ông H1 cha N đã chết. Hiện nay, N đang còn ở bệnh viện nhưng không có tiền đóng viện phí và tiền đưa thi thể cha N về Cà Mau, yêu cầu ông H1 cho N mượn thêm tiền, ông H1 đồng ý. Trong thời gian từ ngày 12/5/2023 đến ngày 15/5/2023, ông H1 tiếp tục chuyển vào tài khoản của H và L1 cho N với số tiền 441.000.000 đồng.

Ngày 17/5/2023, N nhắn tin nói với ông H1: Dì 2 của “H” không trả lại số tiền 4.800.000.000 đồng do trừ số tiền C đã nợ trước đó, giờ gia đình không còn tiền để trả cho ông H1. N sẽ lên Thành phố Hồ Chí Minh để liên hệ với Luật sư T2 để bán căn nhà của C, sẽ trả đủ tiền cho ông H1.

Ngày 18/5/2023, N nhắn tin cho ông H1, cho biết đã gặp luật sư T2, có người hỏi mua căn nhà của C, giờ chỉ cần làm thủ tục sang tên qua cho “H” thì sẽ bán được nhà và sẽ trả đủ cho ông H1 toàn bộ số tiền đã mượn. Ngày 19/5/2023, N nhắn tin cho ông H1 hỏi mượn 30.000.000 đồng để đóng phí làm thủ tục sang tên, ông H1 tin là thật nên đồng ý chuyển tiền theo yêu cầu của N vào tài khoản của Nguyễn Thị P Hằng số tiền 16.930.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, N sợ ông H1 nghi ngờ, nên lên mạng tải về điện thoại của N văn bản có tên “Phiếu tiếp nhận và trả lời kết quả đăng ký, cấp giấy chứng nhận (L), nơi cấp: Văn phòng đăng ký đất đai quận B”, rồi N chỉnh sửa lại thông tin tên Nguyễn Thị Phương H, chụp màn hình và gửi ảnh qua Zalo cho ông H1.

Ngày 21/5/2023, N nhắn tin cho ông H1, cho biết giờ phát hiện ra C còn nợ của nhiều người, phải làm nhanh thủ tục sang tên căn nhà của C, cần có tiền để bồi dưỡng cho cán bộ làm thủ tục, nên yêu cầu ông H1 cho mượn thêm tiền. Ông H1 sử dụng tài khoản số 33885909 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thanh L1 số tiền 250.000.000 đồng.

Ngày 23/5/2023, N nhắn tin cho ông H1, cho biết thủ tục sang tên cho “Hằng” đã xong nhưng căn nhà còn nợ tiền thuế, yêu cầu ông H1 cho mượn thêm tiền. Ông H1 tin là thật nên đồng ý. Trong thời gian từ ngày 23/5/2023 đến ngày 29/5/2023, ông H1 chuyển khoản vào tài khoản của Nguyễn Thị Phương H3 04 lần, với tổng số tiền 190.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền, N lên mạng tải về điện thoại văn bản có tên “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, địa chỉ thửa đất: số A Đường L, khu phố C, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, rồi N chỉnh sửa lại thông tin tên Nguyễn Thị Phương H, chụp màn hình và gửi ảnh qua Zalo qua cho ông H1.

Ngày 30/5/2023, N nhắn tin cho ông H1, cho biết đã có người mua nhà, nhưng khi đến Phòng Công chứng thì phát hiện trước đây C đã làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cầm cố cho người khác vay 1.400.000.000 đồng. Yêu cầu ông H1 gọi vào số điện thoại 0944391711 để gặp T2 là luật sư của C đang giúp đỡ “Hằng” để biết rõ nội dung sự việc.

Ông H1 sử dụng số điện thoại 0913652952 gọi vào số 0944391711. Lúc này, N trực tiếp nói chuyện với ông H1, tự xưng là T2 có văn phòng luật sư ở quận B, nói đang kiểm tiền cho “H” mượn trả nợ khoản vay của C, sau khi trả xong sẽ công chứng giấy tờ mua bán và người mua giao tiền, “Hằng” sẽ trả đủ số tiền đã mượn của ông H1. N yêu cầu ông H1 chuyển tiền cho “H” mượn để xử lý số tiền C đã vay trước đó. Ông H1 tin là thật nên đồng ý. Ông H1 liên hệ với ông Trần B là chủ tiệm V, để thuê tài khoản của ông B chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Thị Phượng H cho N số tiền 200.000.000 đồng.

Ngày 01, ngày 02 và 03/06/2023, N sử dụng số điện thoại 0944391711 gọi cho ông H1, N tự xưng tên là T2, N nói số tiền ông H1 cho mượn vẫn còn thiếu 1.030.000.000 đồng mới đủ trả số tiền C đã vay trước đây, khi trả xong bên mua nhà sẽ ra công chứng ký hợp đồng, sẽ có tiền trả đủ số tiền đã mượn của ông H1. Ông H1 tin là thật nên đồng ý và chuyển tiền vào tài khoản của Nguyễn Thị P Hằng số tiền 1.030.000.000 đồng.

Ngày 05/06/2023, N tiếp tục sử dụng số điện thoại 0944391711 gọi số 0913625952 nói chuyện với ông H1, cho biết “H” mượn tiền của L1 300.000.000 đồng, gia đình L1 phát hiện đòi nợ nên “H” đã mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra cầm cố bên ngoài lấy tiền trả nợ cho L1, yêu cầu ông H1 cho mượn thêm tiền để trả tiền “Hằng” đã vay, lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về ký hợp đồng bán cho bên mua, khi đó sẽ trả đủ tiền đã mượn của ông H1. Ông H1 tin là thật nên đồng ý chuyển tiền theo yêu cầu của N. Ông H1 sử dụng tài khoản số 33885909 chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị P Hằng số tiền 225.000.000 đồng.

Sau đó, N sử dụng tài khoản Zalo “Phượng Hằng” nhắn tin cho ông H1, cho biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị T2 mang đi cầm cố bên ngoài, kêu ông H1 gọi điện thoại cho T2 để nói chuyện. Ông H1 gọi vào số điện thoại 0944391711 thì gặp N, N tự xưng là T2 cho biết đang lo công việc cho “Hằng”, bản thân cũng đã cho “H” mượn rất nhiều tiền để trả nợ cho C, vì để có tiền cho “H” mượn nên N phải đi vay tiền lãi suất cao bên ngoài, đến hạn trả chủ nợ đang đòi nên phải lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của “H” đi cầm cố vay 460.000.000 đồng, yêu cầu ông H1 cho mượn, sau khi lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra thì sẽ ký hợp đồng ngay với bên mua nhà, hiện đã có người đồng ý mua căn nhà với giá 9.800.000.000 đồng, trong thời gian khoảng 02 giờ sẽ có tiền trả đủ toàn bộ số tiền “Hằng” đã mượn ông H1. Ông H1 tin là thật nên

đồng ý chuyển tiền theo yêu cầu của N vào tài khoản của Nguyễn Thị P Hằng số tiền 460.000.000 đồng.

Ngày 12/06/2023, ông H1 nhắn tin cho N qua tài khoản Zalo “Phượng Hằng”, N cho biết chưa có tiền để trả. Ông H1 gọi vào số điện thoại 0944391711 gặp T2, thì N nghe điện thoại và tự xưng là T2, N cho biết do mượn tiền cho “H” đến hạn trả nên đã mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi cầm cố vay 600.000.000 đồng trả nợ, yêu cầu ông H1 cho mượn thêm tiền là có thể đi lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về giao cho người mua, khi đó thì sẽ có tiền trả đủ cho ông H1. Ông H1 tin là thật nên đồng ý chuyển tiền theo yêu cầu của N vào tài khoản của Nguyễn Thị P Hằng số tiền 600.000.000 đồng.

Ngày 20/6/2023, ông H1 gọi vào số điện thoại 0944391711 nói chuyện với T2 (N), N nói với ông H1 cán bộ ngân hàng yêu cầu phải chi tiền bồi dưỡng mới giải ngân, yêu cầu ông H1 cho mượn thêm tiền. Lúc này, ông H1 nghi ngờ bị lừa đảo nên không chuyển thêm tiền và gọi vào số 0944391711 nói chuyện với T2 (N), lúc này N thừa nhận toàn bộ sự việc do N tự bịa đặt ra để lừa ông H1. Sau đó ông H1 có đơn tố giác N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023, Lâm Hoàng N đã sử dụng tài khoản Zalo tên “Lam Hoang N2” và tên “Phượng Hằng” để lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Hoàng Như H1 với tổng số tiền là: 5.693.930.000 đồng. Trong đó có: 34.000.000 đồng ông H1 chuyển trực tiếp vào tài khoản của N; 2.824.930.000 đồng chuyển vào tài khoản Nguyễn Thị Phượng H, sau khi trừ tiền N mua vé số 107.200.000 đồng, số tiền còn lại 2.717.730.000 đồng, H chuyển vào tài khoản của N; chuyển vào tài khoản Nguyễn Thanh L1 2.615.000.000 đồng, sau khi rút tiền mặt, N trả phí cho L1 tổng cộng là 5.248.000 đồng; chuyển vào tài khoản Lê Quốc T2 220.000.000 đồng, sau đó Trung chuyển vào tài khoản cho N.

Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của ông H1, N sử dụng vào mục đích trả tiền mua vé số, trong đó có trả cho Hằng số tiền 107.200.000 đồng và tiền mua vé số dạo ở bên ngoài; chơi game bắn cá tại tiệm game bắn cá Duy P1 do vợ chồng Nguyễn Xuân H4 và Thái Thị Thùy T3 làm chủ, nhưng không xác định được cụ thể số tiền là bao nhiêu; trả tiền phí nhận và chuyển khoản cho anh Nguyễn Thanh L1 số tiền 5.248.000 đồng và dùng vào việc chi xài cá nhân cho đến hết.

- Tại Cáo trạng số 84/CT-VKS-P1 ngày 04 tháng 10 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã truy tố Ngân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2025/HS-ST ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lâm Hoàng N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạt bị cáo 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 05/10/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

2.1. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự, xác định nghĩa vụ hoàn trả và bồi thường thiệt hại như sau:

2.1.1. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Hoàng Như H1 tổng số tiền 5.563.382.000 đồng (năm tỷ năm trăm sáu ba triệu ba trăm tám mươi hai nghìn) đồng. Số tiền này được khấu trừ 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng thu giữ và gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số 000213 ngày 14/10/2024 và Biên lai thu tiền số 0000187 ngày 15/10/2024 do Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau phát hành. Bị cáo có nghĩa vụ tiếp tục hoàn trả cho ông H1 5.546.382.000 (năm tỷ năm trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm tám mươi hai nghìn) đồng.

2.1.2. Buộc bà Nguyễn Thị Phụng H hoàn trả cho ông Hoàng Như H1 116.300.000 (một trăm mười sáu triệu ba trăm nghìn) đồng;

2.1.3. Buộc ông Nguyễn Thanh L1 hoàn trả cho ông Hoàng Như H1 5.248.000 (năm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn) đồng;

2.1.4. Buộc ông Dương Nguyễn Anh U hoàn trả cho ông Hoàng Như H1 9.000.000 (chín triệu) đồng;

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/4/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phụng H3 có đơn kháng cáo đề nghị xem xét về phân trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thêm cho bị hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- **Người đại diện theo ủy quyền của bị hại Hoàng Như H1 trình bày:** Bị cáo N sử dụng số tiền chiếm đoạt của bị hại để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Phụng H 107.200.000 đồng. Do đó, đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H trả thêm cho ông H1 số tiền 107.200.000 đồng.

- **Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:** Bà Nguyễn Thị Phụng H kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết chứng cứ gì mới để xem xét làm căn cứ cho kháng cáo của bà H là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phụng H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người liên quan làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập bị cáo 02 lần, triệu tập bà Nguyễn Thị Phụng H hợp lệ đến lần thứ 2, nhưng bị cáo và bà H vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng bị cáo và bà H.

[2] Về nội dung:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2023 đến tháng 6/2023, bị cáo Lâm Hoàng N đã sử dụng tài khoản Zalo tên “Lam Hoang N2” và tên “Phụng Hằng” để lừa đảo chiếm đoạt tiền của ông Hoàng Như H1 với tổng số tiền là: 5.693.930.000 đồng. Ông H1 đã chuyển tiền cho Lâm Hoàng N tổng cộng là 39 lần, thông qua 04 tài khoản gồm: Lâm Hoàng N, Nguyễn Thị Phụng H, Lê Quốc T2 và Nguyễn Thanh L1 với tổng số tiền 5.693.930.000 đồng. Trong đó, chuyển vào khoản của bà Nguyễn Thị Phụng H 2.824.930.000 đồng. Trước khi chuyển lại tiền cho N, bà H đã trừ tiền vé số N mua nợ tiền bà H là 107.200.000 đồng, số tiền còn lại 2.717.730.000 đồng bà H chuyển vào tài khoản của N.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị hại Hoàng Như H1 trình bày: bị cáo N sử dụng số tiền chiếm đoạt của bị hại để trả nợ cho bà Nguyễn Thị Phụng H 107.200.000 đồng và đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H trả cho ông H1 số tiền 107.200.000 đồng.

Như vậy, có cơ sở xác định trong tổng số tiền bị cáo Lâm Hoàng N chiếm đoạt của ông H1 thì N chỉ sử dụng khoản tiền 107.200.000 đồng để trả cho bà H tiền mua vé số chứ không phải là số tiền 116.300.000đ như phần quyết định của bản án sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phụng H; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm, buộc bà H có nghĩa vụ trả thêm cho bị hại Hoàng Như H1 số tiền 107.200.000 đồng.

[3] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bà H không phải chịu . Bà H được nhận lại 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000212 ngày 24/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Phụng H. Sửa một phần Bản án hình sự sơ về trách nhiệm dân sự của bà Nguyễn Thị Phụng H:

2. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bà Nguyễn Thị Phụng H hoàn trả cho ông Hoàng Như H1 107.200.000 đồng (một trăm lẻ bảy triệu hai trăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H không phải chịu. Trả lại cho Bà H 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000212 ngày 24/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCT và KSXXPT tại TP.HCM;
- TAND Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Cục THA DS tỉnh Cà Mau;
- Trại tạm giam tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo;
- Lưu (5). 18b (ĐHV).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- (1)
- (1)
- (3)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)
- (1)
- (2)

Vũ Ngọc Huỳnh

